

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ cho các huyện, thị xã, thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2736/SLĐTBXH-BTXHPCTNXH ngày 17/10/2017 và của Sở Tài chính tại Tờ trình số 621/TTr-STC ngày 27/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ cho các huyện, thị xã, thành phố, với tổng số tiền **37.015.000.000 đồng** (*Ba mươi bảy tỷ, không trăm mười lăm triệu đồng*) (*Chi tiết như Phụ lục kèm theo*).

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn kinh phí trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật được chuyển nguồn sang năm 2017 tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh số tiền 3.697.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu tại Công văn số 7367/BTC-NSNN ngày 05/6/2017 của Bộ tài chính số tiền 22.240.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội tại Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh số tiền 11.078.000.000 đồng.

Điều 2.

- Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ kinh phí được phân bổ tại Điều 1 có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

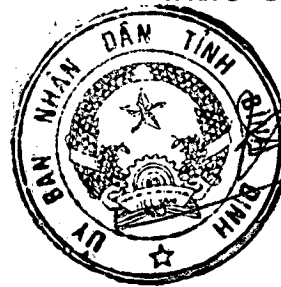
- Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được phân bổ tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP Nguyễn Đức Thi;
- Lưu: VT, K20.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
 (Kèm theo Quyết định số **4176** /QĐ-UBND ngày **06** / **11** /2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Dự kiến nhu cầu kinh phí các đối tượng năm 2017	Số kinh phí còn lại năm 2016 chuyển sang năm 2017	Dự toán bố trí đầu năm 2017 (theo Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh)	Số kinh phí đã bổ sung đợt 1 (theo Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh)	Số kinh phí đã bổ sung đợt 2 (theo Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh)	Số kinh phí phân bổ đợt này
1	TP. Quy Nhơn	42.486.999	5.476.602	27.670.000	3.548.000	3.548.000	2.244.000
2	TX. An Nhơn	52.558.000	-	23.854.000	10.807.000	10.806.000	7.091.000
3	Tuy Phước	49.401.844	2.282.843	28.625.000	8.366.000	8.365.000	1.763.000
4	Tây Sơn	35.076.623	5.474.189	17.175.000	4.779.000	4.778.000	2.870.000
5	Phù Cát	47.712.904	7.141.316	23.854.000	8.053.000	8.052.000	613.000
6	Phù Mỹ	60.446.751	-	26.717.000	13.426.000	13.425.000	6.879.000
7	Hoài Ân	23.955.745	4.901.937	10.496.000	2.496.000	2.496.000	3.566.000
8	Hoài Nhơn	72.353.299	842.306	32.990.000	13.828.000	13.828.000	10.865.000
9	Vân Canh	8.595.442	27.142	3.817.000	1.852.000	1.851.000	1.048.000
10	An Lão	6.832.202	2.061.488	2.863.000	916.000	916.000	76.000
	Tổng cộng	399.419.809	28.207.823	198.061.000	68.071.000	68.065.000	37.015.000